Tra cứu Biểu thuế XNK Việt Nam

Chi tiết mã HS 2516.20.20

Mã HS	2516.20.20
Mô tả hàng hóa	Đá granit, đá pocfia, bazan, đá cát kết (sa thạch) và đá khác để làm tượng đài hoặc đá xây dựng, đã hoặc chưa đẽo thô hoặc mới chỉ cắt bằng cưa hoặc cách khác, thành khối hoặc tấm hình chữ nhật (kể cả hình vuông) / - Đá cát kết: / - - Mới chỉ cắt, bằng cưa hoặc cách khác, thành khối hoặc tấm hình chữ nhật (kể cả hình vuông)
Đơn vị	kg
Thời điểm tạo	03/11/2026 17:33:42
Phiên bản dữ liệu	2026.04.05 – BIEU THUE XNK 2026.04.05.xlsx
Trạng thái xác minh	Dữ liệu biểu thuế đối chiếu file nguồn; khuyến cáo/mapping là thông tin định hướng; điều kiện FTA chưa xác minh.
Liên kết	https://vietnamtariff.com/hs-code/25162020/

Thuế áp dụng năm 2026

Biểu thuế	Giá trị gốc	Thuế suất	Văn bản	hiệu lực	Nguồn
Thuế NK thông thường	5	5%	15/2023/QĐ-TTg	2023-07-15	BT2026!K3078
Thuế NK ưu đãi (MFN)	0	0%	26/2023/NĐ-CP	2023-07-15	BT2026!N3078
Thuế GTGT (VAT)	10/8	10 / 8 (nhiều mức)	174/2025/NĐ-CP - PL1		BT2026!Q3078
Thuế tiêu thụ đặc biệt		Không có dữ liệu			
Thuế bảo vệ môi trường		Không có dữ liệu			
Thuế xuất khẩu	30	30%	26/2023/NĐ-CP	2023-05-31	BT2026!CJ3078
Thuế XK ưu đãi CPTPP	17	17%	115/2022/NĐ-CP	2022-12-30	BT2026!CM3078
Thuế XK ưu đãi EVFTA	17	17%	116/2022/NĐ-CP	2022-12-30	BT2026!CP3078
Thuế XK ưu đãi UKVFTA	17	17%	117/2022/NĐ-CP	2022-12-30	BT2026!CS3078

Thuế suất ưu đãi đặc biệt (FTA) – 2026

FTA	Giá trị gốc	Thuế suất	Căn cứ dữ liệu	Kỳ	Chứng từ xuất xứ	Văn bản	Trạng thái

AANZFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)	AANZ	121/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
ACFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)	E	118/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
AHKFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	AHK	123/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
AIFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	01/01/2026 - 31/12/2026	AI	122/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
AJCEP	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	01/4/2026 - 31/3/2027	AJ	120/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
AKFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)	AK	119/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
ATIGA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	D	126/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
CPTPP	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	(VI)	CPTPP	115/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
EVFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	EUR.1	116/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục A)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục B)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục C)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục D)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục E)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục F)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
UKVFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	EUR.1	117/2022/NĐ-CP	Thuế suất %

VCFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	VC	112/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
VJEPA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	01/4/2026 - 31/3/2027	JV · Form VJ	124/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
VKFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	VK	125/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
VN-EAEU	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	EAV	113/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
VN-LAO	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026		S	206/2025/NĐ-CP	Thuế suất %
VIFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	Form VI (verify)	131/2024/NĐ-CP	Thuế suất %
VN-CAM		Không có dữ liệu	Không có dữ liệu		S	56/2026/NĐ-CP	Không có dữ liệu
VNCU		Không có dữ liệu	Không có dữ liệu		VNCB · Form VC (Cuba)	114/2022/NĐ-CP	Không có dữ liệu

Lịch sử / lộ trình thuế suất theo năm

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
ACFTA	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)		0	AC!E3063
ATIGA	2022	2022	0	AT!E3024
ATIGA	2023	2023	0	AT!F3024
ATIGA	2024	2024	0	AT!G3024
ATIGA	2025	2025	0	AT!H3024
ATIGA	2026	2026	0	AT!I3024
ATIGA	2027	2027	0	AT!J3024
AJCEP	30/12/2022 - 31/3/2023	2022	0	AJ!E3062
AJCEP	01/4/2023 - 31/3/2024	2023	0	AJ!F3062
AJCEP	01/4/2024 - 31/3/2025	2024	0	AJ!G3062
AJCEP	01/4/2025 - 31/3/2026	2025	0	AJ!H3062

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
AJCEP	01/4/2026 - 31/3/2027	2026	0	AJ!I3062
AJCEP	01/4/2027 - 31/3/2028	2027	0	AJ!J3062
VJEPA	30/12/2022 - 31/3/2023	2022	0	VJ!E3066
VJEPA	01/4/2023 - 31/3/2024	2023	0	VJ!F3066
VJEPA	01/4/2024 - 31/3/2025	2024	0	VJ!G3066
VJEPA	01/4/2025 - 31/3/2026	2025	0	VJ!H3066
VJEPA	01/4/2026 - 31/3/2027	2026	0	VJ!I3066
VJEPA	01/4/2027 - 31/3/2028	2027	0	VJ!J3066
AKFTA	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)		0	AK!F3066
AANZFTA	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)		0	AANZ!H3030
AIFTA	30/12/2022	2022	0	AI!F3026
AIFTA	31/12/2022 - 30/12/2023	2023	0	AI!G3026
AIFTA	31/12/2023 - 30/12/2024	2024	0	AI!H3026
AIFTA	31/12/2024 - 31/12/2025	2025	0	AI!I3026
AIFTA	01/01/2026 - 31/12/2026	2026	0	AI!J3026
AIFTA	01/01/2027 - 31/12/2027	2027	0	AI!K3026
VKFTA	2022	2022	0	VK!E3026
VKFTA	2023	2023	0	VK!F3026
VKFTA	2024	2024	0	VK!G3026
VKFTA	2025	2025	0	VK!H3026
VKFTA	2026	2026	0	VK!I3026
VKFTA	2027	2027	0	VK!J3026
VCFTA	2022	2022	0	VC!D3073
VCFTA	2023	2023	0	VC!E3073
VCFTA	2024	2024	0	VC!F3073
VCFTA	2025	2025	0	VC!G3073

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
VCFTA	2026	2026	0	VC!H3073
VCFTA	2027	2027	0	VC!I3073
VN-EAEU	2022	2022	0	EAV!D3070
VN-EAEU	2023	2023	0	EAV!E3070
VN-EAEU	2024	2024	0	EAV!F3070
VN-EAEU	2025	2025	0	EAV!G3070
VN-EAEU	2026	2026	0	EAV!H3070
VN-EAEU	2027	2027	0	EAV!I3070
AHKFTA	2022	2022	0	AKH!D3078
AHKFTA	2023	2023	0	AKH!E3078
AHKFTA	2024	2024	0	AKH!F3078
AHKFTA	2025	2025	0	AKH!G3078
AHKFTA	2026	2026	0	AKH!H3078
AHKFTA	2027	2027	0	AKH!I3078
EVFTA	2022	2022	0	EV-NK!D3049
EVFTA	2023	2023	0	EV-NK!E3049
EVFTA	2024	2024	0	EV-NK!F3049
EVFTA	2025	2025	0	EV-NK!G3049
EVFTA	2026	2026	0	EV-NK!H3049
EVFTA	2027	2027	0	EV-NK!I3049
UKVFTA	2022	2022	0	UKV!D3051
UKVFTA	2023	2023	0	UKV!E3051
UKVFTA	2024	2024	0	UKV!F3051
UKVFTA	2025	2025	0	UKV!G3051
UKVFTA	2026	2026	0	UKV!H3051
UKVFTA	2027	2027	0	UKV!I3051

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
CPTPP	(I)	2021 (DERIVED)	0	CPTPP!D3047
CPTPP	(II)	2022 (DERIVED)	0	CPTPP!E3047
CPTPP	(III)	2023 (DERIVED)	0	CPTPP!F3047
CPTPP	(IV)	2024 (DERIVED)	0	CPTPP!G3047
CPTPP	(V)	2025 (DERIVED)	0	CPTPP!H3047
CPTPP	(VI)	2026 (DERIVED)	0	CPTPP!I3047
CPTPP	(VII)	2027 (DERIVED)	0	CPTPP!J3047
RCEP A	2022	2022	0	RCEPT-A!D3070
RCEP A	2023	2023	0	RCEPT-A!E3070
RCEP A	2024	2024	0	RCEPT-A!F3070
RCEP A	2025	2025	0	RCEPT-A!G3070
RCEP A	2026	2026	0	RCEPT-A!H3070
RCEP A	2027	2027	0	RCEPT-A!I3070
RCEP B	2022	2022	0	B!D3070
RCEP B	2023	2023	0	B!E3070
RCEP B	2024	2024	0	B!F3070
RCEP B	2025	2025	0	B!G3070
RCEP B	2026	2026	0	B!H3070
RCEP B	2027	2027	0	B!I3070
RCEP C	2022	2022	0	C!D3070
RCEP C	2023	2023	0	C!E3070
RCEP C	2024	2024	0	C!F3070
RCEP C	2025	2025	0	C!G3070
RCEP C	2026	2026	0	C!H3070
RCEP C	2027	2027	0	C!I3070
RCEP D	2022	2022	0	D!D3070

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
RCEP D	2023	2023	0	D!E3070
RCEP D	2024	2024	0	D!F3070
RCEP D	2025	2025	0	D!G3070
RCEP D	2026	2026	0	D!H3070
RCEP D	2027	2027	0	D!I3070
RCEP E	2022	2022	0	E!D3073
RCEP E	2023	2023	0	E!E3073
RCEP E	2024	2024	0	E!F3073
RCEP E	2025	2025	0	E!G3073
RCEP E	2026	2026	0	E!H3073
RCEP E	2027	2027	0	E!I3073
RCEP F	2022	2022	0	F!D3070
RCEP F	2023	2023	0	F!E3070
RCEP F	2024	2024	0	F!F3070
RCEP F	2025	2025	0	F!G3070
RCEP F	2026	2026	0	F!H3070
RCEP F	2027	2027	0	F!I3070
VIFTA	2024	2024	0	VI!F2853
VIFTA	2025	2025	0	VI!G2853
VIFTA	2026	2026	0	VI!H2853
VIFTA	2027	2027	0	VI!I2853

Khuyến cáo & cảnh báo

Mã rủi ro	Mức	Tên rủi ro	Mô tả	Dữ liệu liên quan	Căn cứ pháp lý	Khuyến nghị	Trạng thái xác minh

DOC-001	YELLOW	Kiểm tra chuyên ngành	Chính sách mặt hàng: SPHH VLXD nhóm 2 (10/2024/TT-BXD) KTCL sau TQ		10/2024/TT-BXD	Chuẩn bị hồ sơ đăng ký kiểm tra/chứng nhận theo văn bản nêu trên trước khi thông quan.	Văn bản dẫn chiếu trong file nguồn; chưa xác minh hiệu lực
DOC-004	YELLOW	Chính sách mặt hàng khác	TNKS khai thác chưa chế biến thành SP khác (181/2025/NĐ-CP PL1)		181/2025/NĐ-CP	Đọc văn bản được dẫn chiếu.	Văn bản dẫn chiếu trong file nguồn; chưa xác minh hiệu lực
DOC-004	YELLOW	Chính sách mặt hàng khác	DM HH mua bán, trao đổi qua cửa khẩu phụ, lối mở biên giới của thương nhân (42/2019/TT-BCT, 33/2025/TT-BCT)		42/2019/TT-BCT, 33/2025/TT-BCT	Đọc văn bản được dẫn chiếu.	Văn bản dẫn chiếu trong file nguồn; chưa xác minh hiệu lực
DOC-004	YELLOW	Chính sách mặt hàng khác	Khoáng sản làm VLXD (04/2021/TT-BXD)		04/2021/TT-BXD	Đọc văn bản được dẫn chiếu.	Văn bản dẫn chiếu trong file nguồn; chưa xác minh hiệu lực
HS-003	YELLOW	Classification Review Required – có các dòng thuế tương tự	Phân nhóm 2516.20 có 2 dòng thuế; dòng 2516.20.20 được phân biệt với các dòng khác theo mô tả: Mới chỉ cắt, bằng cưa hoặc cách khác, thành khối hoặc tấm hình chữ nhật (kể cả hình vuông).	2516.20.10 Thô hoặc đã đẽo thô	31/2022/TT-BTC	Xác minh các đặc điểm phân biệt; cân nhắc đề nghị xác định trước mã số nếu chưa chắc chắn.	Chưa xác minh – cần kiểm tra
OR-001	YELLOW	Chưa có nước xuất xứ	Chưa thể đánh giá FTA khi chưa có nước xuất xứ.			Nhập nước xuất xứ để so sánh các biểu thuế ưu đãi đặc biệt.	Chưa xác minh – cần kiểm tra
TAX-001	YELLOW	Nhiều mức thuế GTGT	Cột VAT ghi “10/8”. Không được giảm VAT theo 174/2025/NĐ-CP - PL1: Đá xây dựng và trang trí > Đá granit, đá pocfia, bazan, đá cát kết (sa thạch), đá quartzite và đá khác đã hoặc chưa đẽo thô hoặc mới chỉ cắt thành khối hoặc tấm hình chữ nhật, hình vuông.. Đá dùng để làm tượng đài hoặc đá xây dựng (Tham chiếu mã HS 4 số)		174/2025/NĐ-CP - PL1	Xác định mức VAT theo bản chất hàng hóa và quy định giảm thuế (174/2025/NĐ-CP, Phụ lục I/II).	Chưa xác minh – cần kiểm tra

TR-004	GRAY	Not Assessed – Additional Regulatory Verification Required	File nguồn không ghi nhận biện pháp phòng vệ thương mại cho mã 2516.20.20. Điều này KHÔNG có nghĩa là không có rủi ro.			Kiểm tra cơ sở dữ liệu phòng vệ thương mại của Bộ Công Thương (Cục Phòng vệ thương mại).	Chưa xác minh – cần kiểm tra
DQ-001	GREEN	Thuế MFN có trong biểu nguồn	Thuế suất MFN 0% của mã 2516.20.20 được đối chiếu với BT2026 (ô BT2026!N3078), căn cứ 26/2023/NĐ-CP.		26/2023/NĐ-CP	Phạm vi xác minh: đối chiếu với file nguồn phiên bản 2026.04.05, không thay thế văn bản pháp luật.	Đã đối chiếu với file biểu thuế nguồn

Chính sách mặt hàng

Chính sách mặt hàng
TNKS khai thác chưa chế biến thành SP khác (181/2025/NĐ-CP PL1)
DM HH mua bán, trao đổi qua cửa khẩu phụ, lối mở biên giới của thương nhân (42/2019/TT-BCT, 33/2025/TT-BCT)
Khoáng sản làm VLXD (04/2021/TT-BXD)
SPHH VLXD nhóm 2 (10/2024/TT-BXD) KTCL sau TQ

Báo cáo mang tính tham khảo, được tạo tự động từ dữ liệu biểu thuế nguồn và quy tắc khuyến cáo. Đây không phải quyết định của cơ quan hải quan, không xác nhận mã HS, điều kiện hưởng FTA hay hiệu lực pháp lý. Người dùng chịu trách nhiệm đối chiếu văn bản pháp luật hiện hành.